

## VỀ QUY TRÌNH KHẮC IN MỘC BẢN TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM

NGUYỄN SỬ\*

### TÓM TẮT

*Kỹ thuật in được cho là bắt nguồn từ Trung Quốc du nhập vào một số nước láng giềng. Bằng nhiều con đường, chữ Hán đã có mặt ở Việt Nam từ khá sớm, theo đó, kỹ thuật khắc in mộc bản, tạo giấy cũng dần được phổ biến ở nước ta. Qua quá trình nghiên cứu về mộc bản Việt Nam, trong đó, có hệ thống mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà (đều thuộc Bắc Giang), tác giả bài viết bước đầu xác lập một quy trình khắc in mộc bản truyền thống ở nước ta. Quy trình này được tính từ công đoạn tuyển chọn văn bản cho đến khi hoàn thiện sách.*

**Từ khóa:** mộc bản; khắc; in.

### ABSTRACT

*Printing techniques are believed to have originated from China was introduced to some neighboring countries. In many ways, Han had been presented in Viet Nam since very early, accordingly, woodblock printing techniques to make paper also gradually gaining popularity in our country. Through the study of woodblocks Viet Nam including the woodblock system of Vinh Nghiem Pagoda and Bo Da Pagoda (Bac Giang province), the author initially established a procedure for traditional woodblock printing in Viet Nam. This process is from the selected text stages until finishing the book.*

**Key words:** Woodblock; Carve; Print.

#### 1. Về lịch sử khắc in mộc bản ở Việt Nam

Có lẽ, kỹ thuật in đã được lưu truyền ở nước ta từ khá sớm, nhưng cứ liệu sớm nhất (hiện biết) đề cập đến việc in là *Thiền uyển tập anh*. Sách *Thiền uyển tập anh* xác nhận, thiền sư Tín Học (thời Lý) là người trong một gia đình làm nghề in khắc. Trong thế kỷ XI, giấy Lĩnh Nam, một loại giấy quý, do người Việt sản xuất, từng được vua Lý dùng làm quà biếu vua Tống. Tuy nhiên, đến nay, các sách từ thời Lý và Trần (thế kỷ XI - XIV) gần như đã bị "xóa sổ" toàn bộ, có còn cũng chỉ là những đầu mục sách mà thôi, nên không thể biết diện mạo chi tiết nghề in sách đương thời như thế nào. *An Nam chí lược* của Lê Tắc là một tư liệu quý giá về văn hóa, chính trị thời Trần chỉ ghi chép sơ lược: Trong quá trình bang giao, Đại Việt đã nhiều lần thỉnh được *Đại Tạng kinh*, các vua nhà Trần đã soạn thêm kinh sách đưa vào đó.

Dường như có giai đoạn nghề in ở nước ta bị thất truyền, nên phải "học lại" một lần nữa và nghề này được một số làng duy trì thế kỷ XV. Thám hoa Lương Như Hộc lần đầu đi sứ Trung Hoa thấy nghề in khắc sách, bèn nói với vua cho đi lần nữa với

đanh nghĩa nhà buôn để học nghề này - Sự kiện diễn ra từ năm 1443 - 1459. Dù chỉ học lỏm, nhưng ông đã thành công và về nước truyền nghề cho hai làng Hồng Lục, Liễu Chàng (thường được gọi tắt là Lục Liễu). Sau đó, thợ Lục Liễu tỏa đi nhiều nơi, thành các trung tâm in lớn, như Hội Văn đường, Quảng Thịnh đường, Phúc Văn đường, Lạc Thiện đường, Thụ Văn đường, Đức Văn đường, Thịnh Văn đường, Liễu Văn Đường, cùng nhiều thư phường khác. Phần lớn thợ khắc cho các tổ đình lớn, như Bồ Đà, Liên Phái, Hồng Phúc... đều có nguồn gốc từ Lục Liễu. Thợ Lục Liễu lập ra các phường in khắc gỗ tại các phố Hàng Trống, Hàng Nón, Hàng Bông, Tô Tịch... Tại đây, phường in khắc Nhị Khê (Thường Tín) và phường vẽ và in khắc tranh dân gian Hàng Trống cũng từng hành nghề trong suốt ba thế kỷ (từ thế kỷ XVII - XIX). Đến cuối thế kỷ XX, khi khoa cử dùng chữ Hán không còn được tổ chức, những làng nghề này lâm vào tình trạng mai một dần.

In là một trong những phương thức quan trọng trong quá trình truyền bá, phổ biến văn hóa, như A.B Woodside đã đề cập trong *Vietnam and the Chinese Model*: "Công nghiệp in ở Việt Nam đã để lại ấn tượng chuẩn mực của vùng Đông Nam Á..."<sup>1</sup>. Dưới

\* Viện Nghiên cứu Tôn giáo

thời quân chủ, việc tổ chức in khắc không diễn ra thường xuyên, mà phụ thuộc rất nhiều vào các trung tâm lớn. Đúng đầu việc tổ chức in thường do nhà nước, hoặc kinh sách thì do các tổ đình (các trung tâm Phật giáo), đền, miếu, trường học thuê thợ in khắc vài bộ kinh sách và thường được làm ngay tại chỗ. Sau khi khắc, in xong, ván in lưu ở nơi đặt hàng hoặc chẻ đi, chỉ còn lại vài trăm bộ sách làm chân bản. Các chùa thì lưu giữ lâu dài, nếu có ai đến thỉnh kinh, thì nhà chùa sẽ in cho. Theo thống kê do Mai Hồng và Nguyễn Hữu Mùi công bố trên *Tạp chí Hán Nôm*, trong khoảng bốn thế kỷ, từ XVII-XX, có 318 cơ sở in khắc gỗ sách Hán Nôm và bản kinh. Các tác giả của *Đồ họa cổ Việt Nam* cũng đã xác định thêm 18 cơ sở in nữa<sup>2</sup>. Bản in sớm nhất hiện tìm thấy là cuốn *Thiền tâm thượng phẩm*, 3 tập, in tại chùa Vạn Đức (Hội An), năm Quang Hưng thứ 21, tức năm 1598. Hiện nay, ván in (với lối viết chữ thời Lê) vẫn còn được lưu giữ nhưng không đầy đủ, đã bị mối mọt nhiều.

Các dòng tranh dân gian cũng dùng gỗ thị để khắc ván in. Tranh Đông Hồ có cả bản in nét lẫn bản in màu, số lượng bản in màu nhiều hay ít phụ thuộc vào số lượng màu trên tranh. Tranh Kim Hoàng cũng dùng bản in màu nhưng rất hạn chế, còn tranh dân gian Hàng Trống và tranh làng Sình thường chỉ dùng bản in nét, rồi tô màu, gọi là kỹ thuật cấn màu. Người Trung Hoa đã khái quát thành ba kỹ thuật cơ bản trong khắc - in trên gỗ, gồm: hắc bạch mộc khắc - in khắc gỗ đen trắng, tức là lối in khắc chữ bản kinh, chỉ có chữ đen trên nền trắng, hay bản in khắc nét tranh dân gian; thao sắc mộc khắc - in khắc gỗ với các bản in màu (như tranh dân gian Đông Hồ); bút thái mộc khắc - in khắc bằng một bản nét đen, rồi tô màu bằng bút lông (như tranh dân gian Hàng Trống). Mỗi bản in khắc gỗ đều mang vẻ đẹp riêng qua "Mộc vị" và "Đao vị", tức là ý vị của chất gỗ khắc và ý vị của đường dao khắc. Từ những lối "Mộc vị" và "Đao vị" khác nhau, sinh ra các trường phái in khắc gỗ khác nhau. Người Đông Hồ gọi lối khắc bản kinh là khắc vuông và gọi lối khắc tranh của họ là khắc tròn.

Qua khảo sát các làng tranh, như Đông Hồ, Hàng Trống, Kim Hoàng, Lục Liễu, Nhị Khê..., hiện duy nhất làng Đông Hồ do, vào những năm 60, 70 của thế kỷ trước có hợp tác xã, tổ làm tranh nằm trong hợp tác xã nông nghiệp (do ông Sam làm tổ trưởng) nên vẫn còn giữ được khuôn, đặc biệt là các khuôn cổ. Hàng Trống còn nhà ông Nghiên biết

nghề. Kim Hoàng, Lục Liễu cũng lâm vào tình trạng tương tự, tức là chỉ còn một vài người biết nghề chứ không phải là người trực tiếp làm nghề.

Để có mộc bản in sách, trước tiên, phải chọn thợ viết chữ tốt, hoặc văn nhân hay kinh sinh nhân<sup>3</sup> có trình độ thư pháp, viết lên giấy dó, rồi dán ngược vào bản gỗ - thông thường mỗi mặt gỗ gồm hai trang, hai mặt bốn trang. Chữ được viết có thể viết theo lối tự do hoặc theo Tống thể<sup>4</sup>. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên* (quyển 32, Lễ bộ tu thư, toàn tu thực lục, tr. 6) có ghi chép về việc tuyển thợ giỏi viết chữ theo lối Tống thể. Trên bản tấu của Quốc Sử quán về việc viết biểu văn sách "Thực lục chính biên đệ tứ kỷ" theo kiểu chữ Tống rồi khắc lên ván gỗ để vua ngự lãm năm Thành Thái thứ 9 (1897)<sup>5</sup>. Một tấm gỗ nhiều nhất chỉ in được bốn trang hoặc hai trang sách, nên một bộ sách vài trăm trang thì số lượng mộc bản cũng rất lớn. Thợ khắc chữ gọi là Tử nhân, cũng phải biết chữ, nếu viết sai, khắc sai, có thể trở chỗ đó rồi vá miếng mới vào và khắc lại chữ sai. Gỗ để khắc ở Trung Hoa thường là gỗ lê, gỗ táo, rất cứng, thớ đa chiều. Gỗ khắc ván ở nước ta thường là gỗ thị, gỗ táo<sup>6</sup>. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên* (quyển 49, Quốc Sử quán thực lục sự nghi, tuyên khắc công liệu 65) có nhắc đến việc khắc bản in sách cần phải sử dụng gỗ thị (柿木).

Dưới thời Tự Đức, khi khắc in bộ *Ngự chế thi sơ tập*, Quốc Sử quán đã phải dâng sớ lên vua rằng: "Ngày tháng 6 lại được tỉnh Hải Dương phái 30 thợ khắc người Bắc, đã bỏ trốn 4 tên, hiện còn 26 người làm việc. Nay kiểm thấy bản mẫu cuốn *Thực lục* gồm 1900 trang, cần dùng 995 tấm gỗ thị, lần lượt đưa nộp hiện được 540 tấm, thợ khắc in độ hạ tuần tháng tới là hết, số còn thiếu hiện thời tiết đến mùa bão lụt, vận chuyển thật khó, nghĩ rằng, chưa thể đúng hạn nộp đủ. Nếu để lại chờ thì số thợ nhiều, không khỏi tổn lương hưởng không đâu. Về 10 thợ người Nam khắc cuốn *Thực lục* và 14 thợ người Nam in cuốn *Ngự chế thi tập*, xin giao về sở đốc công của Vũ khố để sai phái hay cho về theo lệ giải quyết ổn thỏa. Còn 26 thợ người Bắc xin để lại 6 người để khắc in, còn 10 người xin theo Ấn thư cục để in, bắt đầu từ mồng 1 tháng tới. Đợi ngày nào đưa nộp đủ số ván thì lại đến làm việc như cũ"<sup>7</sup>.

Cũng có lúc, việc in còn sử dụng các bản thiếc, tuy nhiên, bản thiếc được các quan tại Sử quán nhận định rằng: "Lời tựa nếu dùng bản in chữ bằng thiếc thì chữ in bằng mực đỏ, nhỏ bé, e rằng không được rõ lắm. Xin do Nội các súc cho viết và tờ nhan

để giao cho Sở quản thẩm tư lĩnh gỗ thị sức cho thợ khắc ván, in bằng mực đỏ mới được nhìn rõ mà trang nhã<sup>8</sup>.

Có thể thấy, gỗ thị vẫn là thứ gỗ rất phổ biến trong việc khắc ván in. Gỗ này thường phải ngâm tẩm nhiều năm để độ co ngót ổn định và không bị mối, mọt. Các bản kinh cổ được khắc và in đã qua ba, bốn trăm năm vẫn còn khá nguyên vẹn.

## 2. Quy trình khắc in mộc bản

Quy trình khắc in mộc bản được thực hiện theo các bước như sau:

### 2.1. Tuyển chọn văn bản

Tuyển chọn văn bản là khâu đầu tiên cũng là khâu quan trọng nhất, quyết định bản in ra theo dạng thức nào. Thông thường có 7 loại văn bản như sau:

1. Bản tân san, tân khắc, tân thuyên: Là bản lần đầu tiên được cho khắc in.

2. Bản trùng san, trùng khắc, trùng thuyên: Là bản khắc lại nguyên gốc của bản 1.

3. Bản tân tục, tân đính: Là bản 2, nhưng có thêm nội dung hoặc thay đổi nội dung hoặc một vài chi tiết cho hoàn chỉnh văn bản.

4. Bản hậu bổ: Là bản 3, nhưng bổ sung hoặc chỉnh sửa nội dung có tính chất cuối cùng.

Ngoài ra còn có các bản:

5. Thiện bản: Tức bản khắc tinh và in ra rất đẹp về cả nội dung lẫn chữ nghĩa.

6. Phó bản: Tùy thuận theo tuổi thọ của ván khắc mà in nhiều hay ít. Bản chữ nét được xếp vào loại 1 - tức thiện bản, còn bản do bởi in nhiều, nên chữ mòn thì gọi là bản phó.

7. Bản hợp khắc: Là bản gộp giữa phần này của bản này với phần kia của bản kia, tức in chung một vài cuốn vào làm một.

Đối với sách in, ngoài việc phân chia theo cơ sở in, như quan khắc (nhà nước), phường khắc (dân gian) tự viện khắc (chùa chiền, nhà thờ, các cơ sở tôn giáo khác nhau) thì còn được chia làm bốn loại khác biệt nhau, gồm:

1- Loại văn bản thuần túy chữ Hán, như việc khắc in lại các kinh, sách của nước ngoài.

2- Đối chiếu Hán Nôm, như *Tam tự kinh*, mỗi hàng mỗi câu bên cạnh chữ Hán đều có chú chữ Nôm nhỏ - *Đại Nam quốc sử diễn ca*, hàng trên chữ Hán, hàng dưới chữ Nôm.

3- Thuần túy chữ Nôm, như bản *Kim Vân Kiều tân truyện* do Tự Văn Đường in năm 1921. Các thư phường xuất bản loại sách này nhiều nhất.

4- Chữ Quốc ngữ. Từ năm 1883 - 1912, các sách dịch chữ Quốc ngữ, như *Tam quốc*, *Thủy hử*, *Phong thần diễn nghĩa*, *Tùy Đường truyện*, *Càn Long hạ Giang Nam*, *Bạch xà diễn nghĩa*, đa phần được in bằng bản kẽm tại Sài Gòn.

Thông thường, bản 1 là bản đầu tiên, nên mất nhiều công cho việc thiết kế trang, căn dòng viết chữ. Những bản khác đa số đều là những bản dựa trên bản đầu tiên nên công đoạn sẽ ít hơn và không tốn nhiều công. Quy trình phục dựng được dựa trên quy trình xây dựng bản tân san.

### 2.2. Chuẩn bị ván, giấy, mực

Tuyển chọn các vật liệu khắc in, giấy, mực để thực hiện các công đoạn. Công đoạn đầu tiên là chế bản, bao gồm việc lựa chọn vật liệu, cửa bản, ngâm tẩm, hong khô và làm phẳng...

#### 2.2.1. Chuẩn bị ván

##### 2.2.1.1. Lựa chọn

Vật liệu được lựa chọn phải có sức bền, hút mực tốt và nhả mực tốt (độ hút mực và độ nhả mực cân bằng nhau). Thông thường, những loại gỗ được lựa chọn gồm: lê, táo, tử, thị, lồng mực. Đôi khi, người xưa còn sử dụng gỗ hoàng dương, ngân hạnh, bạch dương... Những vật liệu này chủ yếu được người Trung Quốc và Hàn Quốc<sup>9</sup> sử dụng, người Nhật Bản thì sử dụng gỗ hoa anh đào. Những loại gỗ này có độ cứng thích hợp, các vân chặt, cân xứng, dễ điều khắc. Thời tiết nóng hay ẩm ướt thì độ hút mực cũng không lớn, và lại khá phong phú trong tự nhiên, các địa phương đều có thể lựa chọn.

Ở Việt Nam thường sử dụng gỗ thị, lồng mực (thùng mực). Đối với thị, thường phải chọn cây gỗ già (không ra quả nữa) vì loại gỗ này để khô không bị co ngót nhiều.

##### 2.2.1.2. Cửa/xẻ ván

Sau khi đã lựa chọn được cây gỗ, việc đầu tiên là loại bỏ các cành nhỏ, lấy những phần đủ diện tích để có thể làm ván. Có thể lựa theo hướng dọc của cây, xẻ gỗ thành phiến dày khoảng 2 - 3 (cm). Việc lấy gỗ theo chiều dọc, sẽ lấy được nhiều ván hơn, lại tránh được các u của gỗ và các chỗ bị rỗng ruột. Người Trung Quốc thường lựa chọn hình thức này để chế tác mộc bản. Đó là phương pháp chế tác hoa văn thuận. Tuy nhiên, trong chế bản khắc, người phương Tây lại thường lấy gỗ theo chiều ngang, việc này thuận lợi cho điều khắc chi tiết, còn gọi là cách cắt hoa văn. Ở nước ta, gỗ thường được lấy theo thớ ngang nhiều hơn.

##### 2.2.1.3. Ngâm tẩm

Ngâm ván xẻ vào nước, rồi đặt chồng các vật nặng lên trên, thời gian ngâm tầm từ một đến sáu tháng. Trong thời gian ngâm phải thay nước nhiều lần, để cho nhựa trong gỗ tan hết (đối với gỗ đã rất già thì có thể không cần công đoạn này), sau khi khô cũng không dễ bị nứt, tiện lợi cho việc khắc, dễ hút mực và nhả mực. Thời gian ngâm tầm mùa hạ thường ngắn hơn mùa đông. Đối với những gỗ đã được để lâu thì không nhất thiết phải xử lý ngâm tẩm. Người Hàn Quốc thường sử dụng cách thức đun nước sôi với muối để tẩy nhựa ở trong cây.

#### 2.2.1.4. hong khô

Ngâm tẩm xong, ván được vớt lên, đặt ở những chỗ tránh ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp vào, thoáng gió để hong khô. Mỗi tầng mộc bản đều được lắp các thanh gỗ hoặc tre cho cân bằng với nhau và để cho khô một cách tự nhiên. Trong lúc chờ khô, thường phải lật lên để kiểm tra, xếp các ván bằng nhau để tránh việc cong không đồng đều hoặc nứt.

Qua giai đoạn xử lý này thì mộc bản dễ dàng khô hơn và tiện dụng để khắc. Nếu như cần gấp, có thể đặt mộc bản vào trong nồi lớn để nấu khoảng 3 - 4 tiếng, sau đó lật ngược lại và để khô.

#### 2.2.1.5. làm bằng

Sau khi mộc bản đã khô thì mài bằng hai mặt, cắt thành hình gần nhất với ván khắc in, sau đó dùng dầu thực vật bôi lên trên bề mặt.

#### 2.2.2. chuẩn bị giấy

Ở Việt Nam, trước đây có khá nhiều loại giấy khác nhau, như giấy Thương Lục<sup>10</sup>, giấy Lệnh<sup>11</sup>... Có thể sử dụng từng loại giấy in tùy theo nhu cầu. Ở Trung Quốc, có nhiều loại giấy in nổi tiếng, như giấy Lim Túc của Tô Châu, giấy Ôt của Phúc Kiến, giấy Bồ Kỳ của Hồ Bắc, giấy Quảng Đô của Tứ Xuyên... Ở nước ta thường sử dụng chính là giấy Gió (hiện làng Đổng Cao vẫn sản xuất) nhưng đôi khi cũng sử dụng sản phẩm của Trung Quốc, như giấy Kỳ Lân, giấy Nguyên Giáp<sup>12</sup> để viết chữ<sup>13</sup>. Bản tấu của Quốc Sử quán năm Duy Tân thứ 3 (1909) có đề cập đến việc chuẩn bị các loại giấy Kỳ Lân và Nguyên Giáp loại dày, dùng để in sách *Thực lục chính biên đệ lục kỷ* và hai tập sách *Liệt truyện chính biên*<sup>14</sup>. Nhưng theo bản tấu này, giấy Kỳ Lân<sup>15</sup> là loại giấy đắt hơn và cũng khó kiếm hơn, nên thông thường vẫn dùng giấy Nguyên Giáp.

#### 2.2.3. chuẩn bị mực

Mực in thường được chế tác như mực thỏi, rồi được mài ra, thêm keo và rượu vào để chế tác thành

dạng cao, sau đó, bỏ trong ang đặt khoảng 3 đồng, 4 hạ để cho hết mùi thối. Thời gian càng lâu thì chất mực càng tốt. Lúc dùng thì thêm nước để làm hỗn hợp, dùng lưới để lọc.

Cách dân gian làm mực đơn giản hơn và đáp ứng được nhu cầu sử dụng nhiều - Dùng lá tre, rạ khô, đốt thành tro, sau đó ngâm vào hũ. Pha thêm một số chất liệu khác nữa để tạo màu cho mực, khi sử dụng lại tiếp tục pha trộn với hồ hoặc nước cơm để tạo chất kết dính.

#### 2.3. Công đoạn khắc ván

Nội dung đã được hiệu đối chuẩn xác, viết lên trên giấy, rồi đặt ngược lên trên ván. Sau đó, lấy hồ làm ướt để cho chữ nổi lên rõ ràng hơn, khi thợ khắc khắc thì loại bỏ những phần trắng, giữ lại phần đen. Các bước được tiến hành như sau:

##### 2.3.1. Viết chữ

Người giỏi chữ viết nguyên văn lên giấy, gọi là viết mẫu. Có thể viết theo lối chữ tự do hoặc viết theo lối chữ Tống thể. Thường dùng giấy màu hồng, in thành các hàng, gọi là hoa cách. Giữa hai hàng lưu một hàng trống, mỗi hàng có ba đường, đường giữa phân chia hàng theo hình trung gian. Nếu như có hai hàng chữ nhỏ thì lấy tâm của hàng chia đôi làm chuẩn.

##### 2.3.2. Hiệu chính

Sau khi viết xong, trước tiên phải kiểm tra các lỗi, nếu như có sai thì chú ngay bên cạnh, lấy dao trở chữ đó, viết lại dán vào, hoặc viết lại toàn bộ nội dung của trang đó rồi mới sử dụng.

##### 2.3.3. Lên bản

Chữ mẫu được viết trên giấy, sau đó được lật ngược và dán lên trên mặt ván gỗ. Mặt ván phải được phết hồ thật kỹ - làng Liễu Tràng dùng hồ bằng cơm - lấy tay miết đều lên mặt ván. Giấy được dán lên theo từng hàng - từ trái sang phải (hoặc ngược lại). Chờ giấy bắt đầu khô dần, thì sử dụng dầu thực vật (hoặc bạch cập) bôi lên để phần chữ viết (màu đen) được nổi rõ hơn.

##### 2.3.4. Khắc ván

Khắc ván là công đoạn thao tác giữ phần viết trên ván và bỏ đi phần trắng. Thường sử dụng các công cụ tùy theo hình dạng, tính năng khác nhau, chủ yếu có dao, nạo, đục, dùi.

Trước tiên, phải khắc chỉ nét lan can của các dòng, gọi là soi chỉ. Sau đó mới bám vào chữ, soi hai bên của chữ. Dùng dao có miệng tròn, dùng dùi đục, những chỗ nào không có chữ đều bóc hết đi. Khắc các nét từ bên trái trước, sau đó mới

đến các nét bên phải (tùy theo việc thuận tay của người thợ). Tiếp theo, khắc diêm chữ, lấy những mảng không gian trống lớn nhất bên ngoài chữ (tiếp giáp với chỉ của hàng), sau đó đi vào lòng chữ hay còn gọi là moi ruột chữ. Chữ phải được khắc từng hàng một, sau khi khắc xong chữ thì tiếp tục chỉnh sửa lòng máng của ván khắc. Cuối cùng, dùng nước để rửa sạch mùn còn lưu lại trên bề mặt của ván. Công việc khắc ván tới đây là hoàn tất.

#### 2.4. In ván, đóng sách

##### 2.4.1. In ván

Trước tiên, phải ngâm ván vào nước để ván ngấm nước, khi in ván sẽ ăn mực ít hơn. Mực được bôi đều lên mặt ván bằng chổi - thường sử dụng chổi thông (hoặc con lô) quét mực thật đều lên trên ván, sau đó úp giấy lên trên, dùng chổi xoa hoặc xoa múp. Lấn in thử lần đầu tiên thường để kiểm tra xem chữ đúng hay sai, nếu như chỉ một hai chữ sai thì đục chỗ đó đi, khắc chữ khác lấp vào vị trí đục - đây được gọi là hình thức điền bản<sup>16</sup>.

##### 2.4.2. Đóng sách

Những tờ nào in hỏng, nhòe, chạy giấy thì đem ra phết cây làm bia. Đem toàn bộ những tờ đã in ra gấp trang đôi, xếp theo thứ tự trang, vỗ cho đều và để cùng cũ, còn gọi là toát chỉ, ép bia đã phết cây rồi nẹp lại. Xén chuẩn theo cỡ sách, lấy những dải giấy xén thừa xoắn lại thành chỉ, đóng sách. Tháo nẹp, ép sách và gắn sơn ta vào gáy sách cùng phần chỉ cho chết dây. Phết sơn lên 3 biên sách còn lại, để sống trang sách không rách mỗi khi lật, bấu. Viết tên sách, thứ tự số quyển để hoàn thiện sách.

### 3. Thay lời kết

Trong lịch sử, khắc in mộc bản không chỉ là một trong những công cụ quan trọng để truyền bá văn hóa, mà còn là một loại hình nghệ thuật đặc thù, ở đó có sự kết hợp một cách hoàn hảo từ người viết sách, viết chữ, tới những nghệ nhân điều khắc. Ngày nay, mộc bản đã trở thành một loại hình di sản văn hóa, đang được bảo vệ và phát huy giá trị. Theo đó, việc nghiên cứu, xác lập lại quy trình khắc in mộc bản truyền thống sẽ có ý nghĩa thực tiễn đối với công tác bảo vệ và phát huy giá trị loại hình di sản văn hóa độc đáo này. Quy trình khắc in mộc bản truyền thống được chúng tôi phác họa trên đây, chắc chắn còn nhiều điều khiếm khuyết, hy vọng, quy trình này sẽ được bổ sung, hoàn thiện trong khoảng thời gian gần nhất<sup>17</sup>.

N.S

#### **Chú thích:**

- 1- A.B. Woodside, *Vietnam and the Chinese Model*, 1988.
- 2- Phan Cẩm Thượng, Cung Khắc Lược, Lê Quốc Việt, *Đồ họa cổ Việt Nam*, Nxb. Mỹ thuật 1999.
- 3- Người chuyên trách việc chép kinh.
- 4- Tổng thể: Một phong cách chữ in ấn. Nét bút có sự biến đổi về to nhỏ. Thông thường, nét ngang nhỏ, nét dọc thô, cuối nét có bộ phận trang sức gọi là chân chữ; nét chấm, phiệt, nại, câu có đầu nhọn.
- 5- TTLTQGI, *CBTN - Thành Thái*, tập 32, tờ 273.
- 6- Táo 棗: Loại gỗ này chúng tôi vẫn chưa biết rõ là gỗ nào hiện nay.
- 7- Châu bản, Tự Đức, 310,010,030.
- 8- Châu bản, Tự Đức, 275,056,133.
- 9- Tham khảo *Tài liệu phục dựng mộc bản của Viện Phát triển quốc học Hàn Quốc*.
- 10- Lê Quý Đôn, *Văn đài loại ngữ*, Nxb. VHNT, tr. 445
- 11- Hoàng Hồng Cẩm, "Bước đầu tìm hiểu nghề giấy cổ truyền Việt Nam", *Tạp chí Hán Nôm*, số 19.
- 12- Nguyên Giáp chỉ (元甲紙) - Nguyên Giáp là tên một loại giấy được sản xuất tại thôn Nguyên Giáp, trấn Cò Điền, huyện Liên Thành, Mãn Tây (Phúc Kiến). Trung tâm làm giấy này bắt đầu sau những năm 1750 (Cần Long) do Tướng Thiệu Lâm gây dựng.
- 13- *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, quyển 49, Quốc Sử quán thực lục sự nghi, tuyên khắc công liệu 65.
- 14- TTLTQGI, *CBTN - Duy Tân*, tập 21, tờ 77.
- 15- Hiện vẫn chưa rõ giấy Kỳ Lân là giấy gì và sản xuất ở đâu.
- 16- Hình thức in ấn này nhận được sự trợ giúp về mặt kỹ thuật từ thầy Thích Tục Phương chùa Trăm Gian, Hải Dương.
- 17- Bài viết được hoàn thiện với sự giúp đỡ về mặt kiến thức cũng như kinh nghiệm từ nhà nghiên cứu Phan Cẩm Thượng và nghệ nhân khắc gỗ Nguyễn Thọ.

#### **Tài liệu tham khảo:**

- 1- Hoa Bằng, "Kỹ thuật ấn loát của ta ngày xưa", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 133, 1970.
- 2- Hoàng Hồng Cẩm, "Bước đầu tìm hiểu nghề giấy cổ truyền Việt Nam", *Tạp chí Hán Nôm*, số 19.
- 3- Trương Tú Dân, *Trung Quốc ấn loát sử (中國印刷史)*, Nxb. Nhân dân Thượng Hải, 1989.
- 4- Lê Quý Đôn, *Văn đài loại ngữ*, Nxb. VHNT.
- 5- Mai Hồng, Nguyễn Hữu Mùi, "Tìm hiểu nghề in của ta qua kho sách Hán Nôm", *Tạp chí Hán Nôm*, số 1/1986.
- 6- Ngụy Ân Nho, *Trung Quốc cổ đại ấn loát sử (中國古代印刷史)*, Nxb. Công nghiệp, 1988.
- 7- Phan Cẩm Thượng, Cung Khắc Lược, Lê Quốc Việt, *Đồ họa cổ Việt Nam*, Nxb. Mỹ thuật, 2014.
- 8- Viện Phát triển quốc học Hàn Quốc, *Tài liệu phục dựng mộc bản Nho học truyền thống*.  
(Ngày nhận bài: 04/7/2016; ngày phản biện đánh giá: 21/7/2016; ngày duyệt đăng bài: 20/08/2016).